TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên

- **Thư ký phiên tòa**: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phan Thị Kim L, sinh năm: 1983;

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Đình H, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (*chị L có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 15-9-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phan Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Đình H tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại xã Đ, T. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, tất cả là 3,5 chỉ vàng 24k; gia đình chị cho 01 bộ vòng xi men 05 chỉ vàng 18k, 01 sợi dây 01 chỉ vàng 18k, 02 chiếc khâu 02 chỉ vàng 18k và 02 chiếc khâu 02 chỉ vàng 24k. Số vàng này vợ chồng bán hết để mua đất xây nhà. Cưới xong vợ chồng sống chung gia đình chị, đến năm 2010 vợ chồng mua đất xây nhà ra ở riêng bên gia đình chị, vợ chồng làm lúa, cạo mủ cao su và làm thuê. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H

đi làm mướn ở Bình Dương đi 1, 2 tháng mới về nhà lần, anh đi làm không phụ tiền cho chị, mà anh cờ bạc thiếu nợ, buộc chị phải trả nợ cho anh mấy chục triệu, mà anh thường xuyên đổ nợ nhiều lần từ năm 2012 đến nay, chị vẫn bỏ qua cho anh, chị vẫn chịu đựng để sống làm nuôi con, từ năm 2020 anh thường xuyên bỏ nhà đi mấy tháng đổ nợ thì về nhà năn nỉ chị trả nợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, chị khuyên nhưng anh không nghe. Từ đầu năm 2023 anh H yêu cầu chị đưa tiền cho anh làm ăn, chị không đưa, do không còn tin tưởng anh về tiền bạc, vợ chồng không ai nói đến ai, cũng không còn quan hệ tình cảm nhau nữa. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 16-02-2002 và Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 26-02-2013, cháu H1 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu H2 chị đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2 không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 1,4 ha đất đang cho thuê trồng mì, 01 căn nhà tường ngang 09m dài 24m xây trên đất diện tích ngang 10m, dài 55m, tại ấp B, xã Đ, thị xã T, do hai vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện vợ chồng đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Đình H vắng mặt nên không có ý kiến: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt; chị L có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Kim L đối với anh Nguyễn Đình H; về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 26-02-2013 cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị L không yêu cầu, anh H không có ý kiến nên không giải quyết; về nợ chung: chị L khai không có, anh H không có ý kiến nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do; chị L có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị L, anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ đầu năm 2023. Theo chị L là do anh H đi làm không phụ tiền cho chị, mà còn cờ bạc thiếu nợ, buộc chị phải trả nợ nhiều lần cho anh, chị vẫn chịu đựng để làm nuôi con, từ năm 2020 anh thường xuyên bỏ nhà đi mấy tháng đổ nợ thì về nhà năn nỉ chị trả nợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, chị khuyên nhưng anh không nghe, nên chị xin ly hôn. Anh H thì vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án, tức là anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 cháu tên Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 16-02-2002 và Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 26-02-2013, cháu H1 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu H2 chị L đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2, không yêu cầu cấp dưỡng; anh H không có ý kiến. Xét thấy, chị L đã nuôi cháu H2 ổn định, cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường. Qua làm việc cháu H2 có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên giao cháu H2 cho chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị L khai có 1,4 ha đất đang cho thuê trồng mì, 01 căn nhà tường ngang 09m dài 24m xây trên đất diện tích ngang 10m, dài 55m, tại ấp B, xã Đ, thị xã T, do hai vợ chồng đứng tên giấy đất, hiện vợ chồng đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết; anh H không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị L khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh H không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị L chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim L đối với anh Nguyễn Đình H. Chị L được ly hôn với anh H.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 26-02-2013 cho chị Phan Thị Kim L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 16-02-2002 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: chị L không yêu cầu; anh H không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị L khai không có, không yêu cầu; anh T không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phan Thị Kim L chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027689 ngày 24-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị L nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đôn Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An